

## THÔNG BÁO

### Về việc xác định ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào đối với từng ngành đào tạo trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2026 của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng (sau đây gọi tắt là Quy chế tuyển sinh của Bộ);

Căn cứ Quyết định số 678/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 3037/QĐ-BGDĐT ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng năm 2026;

Căn cứ Công văn số 2304/BGDĐT-GDDH ngày 04 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1961/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác định ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào đối với chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực pháp luật năm 2026;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh trình độ đại học, Thông tin tuyển sinh trình độ đại học và Kế hoạch tuyển sinh trình độ đại học năm 2026 của Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Trường);

Căn cứ Thông báo số 577/TB-ĐHL ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường về Phương thức tuyển sinh trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2026;

Căn cứ Thông báo số 755/TB-ĐHL ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường về Hướng dẫn thí sinh đăng ký xét tuyển theo các Phương thức tuyển sinh trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2026 của Trường thực hiện việc cung cấp thông tin minh chứng bằng hình thức trực tuyến.

Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh thông báo ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào (sau đây gọi tắt là ngưỡng đầu vào) đối với các ngành đào tạo trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm 2026 như sau:

#### 1. Về đối tượng, điều kiện tuyển sinh và phạm vi tuyển sinh

##### 1.1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

a) Đối tượng dự tuyển là thí sinh được Trường thực hiện việc xử lý nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi tắt là Hệ thống của Bộ), bao gồm:

(i) Thí sinh là người Việt Nam và người nước ngoài đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông, trung học nghề của Việt Nam (sau đây gọi chung và gọi tắt là tốt nghiệp THPT);

(ii) Thí sinh là người Việt Nam đã có bằng tốt nghiệp trung cấp và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật;

(iii) Thí sinh là người Việt Nam học tập và tốt nghiệp cấp THPT ở nước ngoài hoặc học tập chương trình giáo dục nước ngoài bằng tiếng nước ngoài tại Việt Nam, được cấp có thẩm quyền công nhận đạt trình độ tương đương với trình độ THPT của Việt Nam;

(iv) Thí sinh là người nước ngoài học tập và tốt nghiệp cấp THPT ở nước ngoài hoặc học tập chương trình giáo dục nước ngoài bằng tiếng nước ngoài tại Việt Nam, được cấp có thẩm quyền công nhận đạt trình độ tương đương với trình độ THPT của Việt Nam và đã đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của ngành đào tạo;

(v) Ngoài ra, đối với Phương thức 2 (*xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế hoặc kết quả Kỳ thi SAT của Mỹ*), Phương thức 3 (*xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT đối với thí sinh học tại các trường có tên trong “Danh sách các trường THPT thuộc diện ưu tiên xét tuyển năm 2026 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh”*) và Phương thức 4 (*xét tuyển thí sinh có kết quả Kỳ thi V-SAT*) để được xét tuyển, thí sinh còn phải đạt các điều kiện theo quy định tại Thông báo số 755/TB-ĐHL của Trường.

b) Đối tượng dự tuyển quy định tại Mục 1.1.a nêu trên phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

(i) Đạt ngưỡng đầu vào đối với từng phương thức tuyển sinh của từng ngành đào tạo theo quy định tại Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng, ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế tuyển sinh trình độ đại học của Trường và tại Thông báo tuyển sinh năm 2026 của Trường;

(ii) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

(iii) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

c) Khi có đủ điều kiện theo quy định, đối tượng dự tuyển quy định tại Mục 1.1.a nêu trên được lựa chọn cả 5 phương thức tuyển sinh được quy định tại Thông tin tuyển sinh của Trường để đăng ký dự tuyển.

## **1.2. Phạm vi tuyển sinh:**

- Tuyển sinh đối với tất cả thí sinh đáp ứng đầy đủ điều kiện dự tuyển theo quy định nêu trên;

- Tuyển sinh ngành Ngôn ngữ Anh, ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, ngành Quản trị kinh doanh, ngành Tài chính - Ngân hàng, ngành Kinh doanh quốc tế, ngành Công nghệ tài chính, ngành Kinh tế số, ngành Thương mại điện tử, ngành Quản trị - Luật, ngành Luật và ngành Luật thương mại quốc tế bằng phương thức xét tuyển.

## **2. Về mã ngành (mã tuyển sinh các ngành đào tạo) và tên ngành xét tuyển (tên tuyển sinh các ngành đào tạo); mã tổ hợp xét tuyển, tên tổ hợp xét tuyển và số lượng tuyển sinh**

### **2.1. Tại trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh: mã tuyển sinh: LPS:**

Stt	Ngành đào tạo trình độ đại học	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển <sup>1/</sup> mã Tổ hợp môn	Số lượng
1.	Ngôn ngữ Anh ( <i>chuyên ngành tiếng Anh pháp lý</i> )	7220201	1. Ngữ văn, tiếng Anh, Toán: <b>D01</b> ; 2. Ngữ văn, tiếng Anh, Lịch sử: <b>D14</b> ;	200

<sup>1</sup> Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2024 trở về trước: môn Giáo dục kinh tế và pháp luật được thay thế bằng môn Giáo dục công dân.

Stt	Ngành đào tạo trình độ đại học	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển <sup>1</sup> / mã Tổ hợp môn	Số lượng
			3. Ngữ văn, tiếng Anh, Giáo dục kinh tế và pháp luật: <b>X78</b> ; 4. Ngữ văn, tiếng Anh, Địa lý: <b>D15</b> ; 5. Toán, tiếng Anh, Lịch sử: <b>D09</b> ; 6. Toán, tiếng Anh, Giáo dục kinh tế và pháp luật: <b>X25</b> ; 7. Toán, tiếng Anh, Địa lý: <b>D10</b> .	
2.	Luật	7380101	1. Ngữ văn, Ngoại ngữ ( <b>D01</b> : tiếng Anh, <b>D03</b> : tiếng Pháp, <b>D04</b> : tiếng Trung, <b>D06</b> : tiếng Nhật), Toán; 2. Ngữ văn, Ngoại ngữ ( <b>X78</b> : tiếng Anh, <b>X86</b> : tiếng Pháp, <b>X90</b> : tiếng Trung, <b>X98</b> : tiếng Nhật:), Giáo dục kinh tế và pháp luật; 3. Ngữ văn, Ngoại ngữ ( <b>D11</b> : tiếng Anh, <b>D53</b> : tiếng Nhật, <b>D54</b> : tiếng Pháp, <b>D55</b> : tiếng Trung), Vật lý; 4. Ngữ văn, Ngoại ngữ ( <b>D12</b> : tiếng Anh, <b>D48</b> : tiếng Nhật, <b>D49</b> : tiếng Pháp, <b>D50</b> : tiếng Trung), Hóa học; 5. Ngữ văn, Ngoại ngữ ( <b>D14</b> : tiếng Anh, <b>D63</b> : tiếng Nhật, <b>D64</b> : tiếng Pháp, <b>D65</b> : tiếng Trung), Lịch sử; 6. Ngữ văn, Ngoại ngữ ( <b>D15</b> : tiếng Anh, <b>D43</b> : tiếng Nhật, <b>D44</b> : tiếng Pháp, <b>D45</b> : tiếng Trung), Địa lý; 7. Toán, Ngoại ngữ ( <b>X25</b> : tiếng Anh, <b>X33</b> : tiếng Pháp, <b>X37</b> : tiếng Trung, <b>X45</b> : tiếng Nhật:), Giáo dục kinh tế và pháp luật; 8. Toán, Ngoại ngữ ( <b>A01</b> : tiếng Anh, <b>D28</b> : tiếng Nhật, <b>D29</b> : tiếng Pháp, <b>D30</b> : tiếng Trung), Vật lý; 9. Toán, Ngoại ngữ ( <b>D07</b> : tiếng Anh, <b>D23</b> : tiếng Nhật, <b>D24</b> : tiếng Pháp, <b>D25</b> : tiếng Trung), Hóa học; 10. Toán, Ngoại ngữ ( <b>D09</b> : tiếng Anh, <b>D38</b> : tiếng Nhật, <b>D39</b> : tiếng Pháp, <b>D40</b> : tiếng Trung), Lịch sử; 11. Toán, Ngoại ngữ ( <b>D10</b> : tiếng Anh, <b>D18</b> : tiếng Nhật, <b>D19</b> : tiếng Pháp, <b>D20</b> : tiếng Trung), Địa lý; 12. Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý: <b>C00</b> <sup>2</sup> .	2.200
3.	Luật thương mại quốc tế	7380109	1. Ngữ văn, tiếng Anh, Vật lý: <b>D11</b> ; 2. Ngữ văn, tiếng Anh, Toán: <b>D01</b> ; 3. Ngữ văn, tiếng Anh, Giáo dục kinh tế và pháp luật: <b>X78</b> ; 4. Ngữ văn, tiếng Anh, Hóa học: <b>D12</b> ; 5. Toán, tiếng Anh, Vật lý: <b>A01</b> ; 6. Toán, tiếng Anh, Giáo dục kinh tế và pháp luật: <b>X25</b> ; 7. Toán, tiếng Anh, Hóa học: <b>D07</b> .	375
4.	Quản trị - Luật	7340102	1. Toán, tiếng Anh, Vật lý: <b>A01</b> ; 2. Toán, tiếng Anh, Hóa học: <b>D07</b> ; 3. Toán, tiếng Anh, Ngữ văn: <b>D01</b> ; 4. Toán, tiếng Anh, Giáo dục kinh tế và pháp luật: <b>X25</b> ; 5. Toán, tiếng Anh, Tin học: <b>X26</b> ; 6. Ngữ văn, tiếng Anh, Vật lý: <b>D11</b> ; 7. Ngữ văn, tiếng Anh, Hóa học: <b>D12</b> ; 8. Ngữ văn, tiếng Anh, Giáo dục kinh tế và pháp luật: <b>X78</b> ; 9. Ngữ văn, tiếng Anh, Tin học: <b>X79</b> ; 10. Toán, Vật lý, Hóa học: <b>A00</b> <sup>3</sup> .	500

<sup>2</sup> Tổ hợp C00 được Trường tiếp tục thực hiện đối với khóa tuyển sinh năm 2026 và năm 2027. Từ khóa tuyển sinh năm 2028 trở đi, tất cả các Tổ hợp xét tuyển đối với ngành Luật của Trường đều có môn ngoại ngữ (gồm tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nhật, tiếng Trung,...).

Stt	Ngành đào tạo trình độ đại học	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển <sup>1/</sup> mã Tổ hợp môn	Số lượng
5.	Quản trị kinh doanh	7340101	1. Toán, tiếng Anh, Vật lý: <b>A01</b> ; 2. Toán, tiếng Anh, Hóa học: <b>D07</b> ; 3. Toán, tiếng Anh, Ngữ văn: <b>D01</b> ; 4. Toán, tiếng Anh, Giáo dục kinh tế và pháp luật: <b>X25</b> ; 5. Toán, tiếng Anh, Tin học: <b>X26</b> ; 6. Toán, Vật lý, Hóa học: <b>A00<sup>4</sup></b> .	300
6.	Kinh doanh quốc tế	7340120	1. Toán, tiếng Anh, Vật lý: <b>A01</b> ; 2. Toán, tiếng Anh, Hóa học: <b>D07</b> ; 3. Toán, tiếng Anh, Ngữ văn: <b>D01</b> ; 4. Toán, tiếng Anh, Giáo dục kinh tế và pháp luật: <b>X25</b> ; 5. Toán, tiếng Anh, Tin học: <b>X26</b> ; 6. Toán, Vật lý, Hóa học: <b>A00<sup>5</sup></b> .	150
7.	Tài chính - Ngân hàng	7340201	1. Toán, tiếng Anh, Vật lý: <b>A01</b> ; 2. Toán, tiếng Anh, Hóa học: <b>D07</b> ; 3. Toán, tiếng Anh, Ngữ văn: <b>D01</b> ; 4. Toán, tiếng Anh, Giáo dục kinh tế và pháp luật: <b>X25</b> ; 5. Toán, tiếng Anh, Tin học: <b>X26</b> ; 6. Toán, Vật lý, Hóa học: <b>A00<sup>6</sup></b> .	150
8.	Kinh tế số (tuyển sinh từ năm 2026)	7310109	1. Toán, tiếng Anh, Vật lý: <b>A01</b> ; 2. Toán, tiếng Anh, Hóa học: <b>D07</b> ; 3. Toán, tiếng Anh, Ngữ văn: <b>D01</b> ; 4. Toán, tiếng Anh, Giáo dục kinh tế và pháp luật: <b>X25</b> ; 5. Toán, tiếng Anh, Tin học: <b>X26</b> ; 6. Toán, Vật lý, Hóa học: <b>A00<sup>7</sup></b> .	90
9.	Thương mại điện tử (tuyển sinh từ năm 2026)	7340122	1. Toán, tiếng Anh, Vật lý: <b>A01</b> ; 2. Toán, tiếng Anh, Hóa học: <b>D07</b> ; 3. Toán, tiếng Anh, Ngữ văn: <b>D01</b> ; 4. Toán, tiếng Anh, Giáo dục kinh tế và pháp luật: <b>X25</b> ; 5. Toán, tiếng Anh, Tin học: <b>X26</b> ; 6. Toán, Vật lý, Hóa học: <b>A00<sup>8</sup></b> .	90
10.	Công nghệ tài chính (tuyển sinh từ năm 2026)	7340205	1. Toán, tiếng Anh, Vật lý: <b>A01</b> ; 2. Toán, tiếng Anh, Hóa học: <b>D07</b> ; 3. Toán, tiếng Anh, Ngữ văn: <b>D01</b> ; 4. Toán, tiếng Anh, Giáo dục kinh tế và pháp luật: <b>X25</b> ; 5. Toán, tiếng Anh, Tin học: <b>X26</b> ; 6. Toán, Vật lý, Hóa học: <b>A00<sup>9</sup></b> .	90
11.	Ngôn ngữ Trung Quốc (tuyển sinh từ năm 2026)	7220204	1. Ngữ văn, Ngoại ngữ ( <b>D01</b> : tiếng Anh, <b>D04</b> : tiếng Trung), Toán; 2. Ngữ văn, Ngoại ngữ ( <b>D14</b> : tiếng Anh, <b>D65</b> : tiếng Trung), Lịch sử;	90

<sup>3</sup> Tổ hợp A00 được Trường tiếp tục thực hiện đối với khóa tuyển sinh năm 2026 và năm 2027. Từ khóa tuyển sinh năm 2028 trở đi, tất cả các Tổ hợp xét tuyển đối với ngành đào tạo này của Trường đều có môn tiếng Anh.

<sup>4</sup> Tổ hợp A00 được Trường tiếp tục thực hiện đối với khóa tuyển sinh năm 2026 và năm 2027. Từ khóa tuyển sinh năm 2028 trở đi, tất cả các Tổ hợp xét tuyển đối với ngành đào tạo này của Trường đều có môn tiếng Anh.

<sup>5</sup> Tổ hợp A00 được Trường tiếp tục thực hiện đối với khóa tuyển sinh năm 2026 và năm 2027. Từ khóa tuyển sinh năm 2028 trở đi, tất cả các Tổ hợp xét tuyển đối với ngành đào tạo này của Trường đều có môn tiếng Anh.

<sup>6</sup> Tổ hợp A00 được Trường tiếp tục thực hiện đối với khóa tuyển sinh năm 2026 và năm 2027. Từ khóa tuyển sinh năm 2028 trở đi, tất cả các Tổ hợp xét tuyển đối với ngành đào tạo này của Trường đều có môn tiếng Anh.

<sup>7</sup> Tổ hợp A00 được Trường tiếp tục thực hiện đối với khóa tuyển sinh năm 2026 và năm 2027. Từ khóa tuyển sinh năm 2028 trở đi, tất cả các Tổ hợp xét tuyển đối với ngành đào tạo này của Trường đều có môn tiếng Anh.

<sup>8</sup> Tổ hợp A00 được Trường tiếp tục thực hiện đối với khóa tuyển sinh năm 2026 và năm 2027. Từ khóa tuyển sinh năm 2028 trở đi, tất cả các Tổ hợp xét tuyển đối với ngành đào tạo này của Trường đều có môn tiếng Anh.

<sup>9</sup> Tổ hợp A00 được Trường tiếp tục thực hiện đối với khóa tuyển sinh năm 2026 và năm 2027. Từ khóa tuyển sinh năm 2028 trở đi, tất cả các Tổ hợp xét tuyển đối với ngành đào tạo này của Trường đều có môn tiếng Anh.

Stt	Ngành đào tạo trình độ đại học	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển <sup>1/</sup> / mã Tổ hợp môn	Số lượng
			3. Ngữ văn, Ngoại ngữ ( <i>X78: tiếng Anh, X90: tiếng Trung</i> ), Giáo dục kinh tế và pháp luật; 4. Ngữ văn, Ngoại ngữ ( <i>D15: tiếng Anh, D45: tiếng Trung</i> ), Địa lý; 5. Toán, Ngoại ngữ ( <i>D09: tiếng Anh, D40: tiếng Trung</i> ), Lịch sử; 6. Toán, Ngoại ngữ ( <i>X25: tiếng Anh, X37: tiếng Trung</i> ), Giáo dục kinh tế và pháp luật; 7. Toán, Ngoại ngữ ( <i>D10: tiếng Anh, D20: tiếng Trung</i> ), Địa lý.	

**2.2. Tại Phân hiệu tại tỉnh Quảng Trị: mã tuyển sinh: LPQ:**

Stt	Ngành đào tạo trình độ đại học	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển <sup>10/</sup> / mã Tổ hợp môn	Số lượng
1.	Luật	7380101	1. Ngữ văn, Ngoại ngữ ( <i>D01: tiếng Anh, D03: tiếng Pháp, D04: tiếng Trung, D06: tiếng Nhật</i> ), Toán; 2. Ngữ văn, Ngoại ngữ ( <i>X78: tiếng Anh, X86: tiếng Pháp, X90: tiếng Trung, X98: tiếng Nhật</i> ), Giáo dục kinh tế và pháp luật; 3. Ngữ văn, Ngoại ngữ ( <i>D11: tiếng Anh, D53: tiếng Nhật, D54: tiếng Pháp, D55: tiếng Trung</i> ), Vật lý; 4. Ngữ văn, Ngoại ngữ ( <i>D12: tiếng Anh, D48: tiếng Nhật, D49: tiếng Pháp, D50: tiếng Trung</i> ), Hóa học; 5. Ngữ văn, Ngoại ngữ ( <i>D14: tiếng Anh, D63: tiếng Nhật, D64: tiếng Pháp, D65: tiếng Trung</i> ), Lịch sử; 6. Ngữ văn, Ngoại ngữ ( <i>D15: tiếng Anh, D43: tiếng Nhật, D44: tiếng Pháp, D45: tiếng Trung</i> ), Địa lý; 7. Toán, Ngoại ngữ ( <i>X25: tiếng Anh, X33: tiếng Pháp, X37: tiếng Trung, X45: tiếng Nhật</i> ), Giáo dục kinh tế và pháp luật; 8. Toán, Ngoại ngữ ( <i>A01: tiếng Anh, D28: tiếng Nhật, D29: tiếng Pháp, D30: tiếng Trung</i> ), Vật lý; 9. Toán, Ngoại ngữ ( <i>D07: tiếng Anh, D23: tiếng Nhật, D24: tiếng Pháp, D25: tiếng Trung</i> ), Hóa học; 10. Toán, Ngoại ngữ ( <i>D09: tiếng Anh, D38: tiếng Nhật, D39: tiếng Pháp, D40: tiếng Trung</i> ), Lịch sử; 11. Toán, Ngoại ngữ ( <i>D10: tiếng Anh, D18: tiếng Nhật, D19: tiếng Pháp, D20: tiếng Trung</i> ), Địa lý; 12. Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý: <b>C00<sup>11</sup></b> .	400

**Ghi chú:** khi đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống của Bộ, thí sinh phải ghi đúng, đủ và thực hiện việc lựa chọn căn cứ để xét tuyển, bao gồm 3 thông tin (**rất quan trọng**) sau:

- (i) Thứ tự nguyện vọng;
- (ii) Tên trường và mã trường (*tại Trụ sở chính hoặc tại Phân hiệu tại tỉnh Quảng Trị*);
- (iii) Tên ngành và mã ngành.

<sup>10</sup> Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2024 trở về trước: môn Giáo dục kinh tế và pháp luật được thay thế bằng môn Giáo dục công dân.

<sup>11</sup> Tổ hợp C00 được Trường tiếp tục thực hiện đối với khóa tuyển sinh năm 2026 và năm 2027. Từ khóa tuyển sinh năm 2028 trở đi, tất cả các Tổ hợp xét tuyển đối với ngành Luật của Trường đều có môn ngoại ngữ (gồm tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nhật, tiếng Trung,...).

### 3. Về ngưỡng đầu vào

Ngưỡng điểm đầu vào đối với từng ngành đào tạo của các Phương thức 2, 3, 4 (điểm sau quy đổi) và Phương thức 5 (điểm thi của từng môn trong Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026) có mức điểm tối thiểu (không nhân hệ số) của các tổ hợp xét tuyển tại Mục 2 nêu trên theo **Phụ lục đính kèm**, trong đó:

a) Đối với ngành Luật, ngành Luật thương mại quốc tế và ngành Quản trị - Luật: ngưỡng đầu vào căn cứ vào điểm thi trong Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 và điểm ưu tiên theo khu vực (nếu có), điểm ưu tiên theo đối tượng chính sách (nếu có) theo quy định tại Quy chế tuyển sinh của Bộ. Riêng đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2026 có đăng ký xét tuyển thêm các Phương thức 2, 3, 4 nếu không đáp ứng điều kiện vừa nêu thì phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

(i) Kết quả trung bình chung học tập cả năm Lớp 12 (hoặc kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên);

(ii) Tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 18,00 điểm trở lên; hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8,50 trở lên.

b) Đối với các ngành còn lại và đối với thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2025 trở về trước: ngưỡng đầu vào căn cứ vào điểm xét tuyển theo quy định tại Mục 4 của Thông báo này.

### 4. Về tổ hợp môn, thang điểm xét tuyển và cách thức tính điểm

**4.1.** Tổ hợp môn (gồm Tổ hợp của các môn trong Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 và Tổ hợp của các môn cấp THPT đã được quy đổi điểm tương đương) dùng để xét tuyển bao gồm 03 môn phù hợp với đặc điểm và yêu cầu của ngành đào tạo/chương trình đào tạo, trong đó có môn Toán hoặc môn Ngữ văn với trọng số tính điểm xét (không nhân hệ số) trong tổ hợp xét tuyển là 1/3;

**4.2.** Thang điểm xét tuyển và điểm xét tuyển:

- Thang điểm xét tuyển: điểm xét tuyển theo thang điểm 30;
- Điểm xét tuyển được làm tròn đến 2 (hai) chữ số thập phân theo Quy chế tuyển sinh của Bộ.

**4.3. Cách thức tính điểm:**

(i) Cách tính tổng điểm trung bình cộng 6 học kỳ cấp THPT của 03 môn theo Tổ hợp:

$$\text{Tổ hợp môn (viết tắt: THM; ký hiệu: M): } M = M1 + M2 + M3$$

Trong đó:

- M: Tổng điểm trung bình cộng 6 học kỳ cấp THPT của 03 môn theo Tổ hợp;
- M1: Trung bình cộng 6 học kỳ cấp THPT của Môn 1 (**được Trường xác định là môn Toán hoặc môn Ngữ văn**) trong Tổ hợp;
- M2: Trung bình cộng 6 học kỳ cấp THPT của Môn 2 trong Tổ hợp;
- M3: Trung bình cộng 6 học kỳ cấp THPT của Môn 3 trong Tổ hợp.
- Cách tính M1, M2, M3:

$$M1 \text{ (hoặc } M2, \text{ hoặc } M3) = \frac{\text{Lớp 10}_{(HK1+HK2)} + \text{Lớp 11}_{(HK1+HK2)} + \text{Lớp 12}_{(HK1+HK2)}}{6}$$

(ii) Cách thức tính điểm xét tuyển (sau đây viết tắt **ĐXT**):

$$\text{ĐXT} = \text{điểm tổ hợp môn} + \text{điểm cộng (nếu có)} + \text{điểm ưu tiên (nếu có)}$$

Trong đó:

- ĐXT và điểm Tổ hợp môn: thực hiện như nêu trên;
- Điểm cộng: bao gồm điểm xét thưởng, điểm khuyến khích;
- Điểm ưu tiên (theo khu vực và/hoặc theo đối tượng chính sách): được xác định theo Quy chế tuyển sinh của Bộ.

## **5. Về cách thức đăng ký nguyện vọng xét tuyển; thời gian đăng ký và xác nhận nguyện vọng đăng ký xét tuyển và nguyên tắc xét trúng tuyển**

### **5.1. Cách thức đăng ký nguyện vọng xét tuyển**

- Thí sinh (bao gồm cả thí sinh đã cung cấp thông tin xét tuyển theo Phương thức 1, Phương thức 2, Phương thức 3 và Phương thức 4) phải thực hiện đăng ký xét tuyển trực tuyến theo kế hoạch chung của Bộ, đưa tất cả nguyện vọng xét tuyển lên trên Hệ thống của Bộ, trực tiếp tại địa chỉ <https://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn> hoặc gián tiếp thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia;

- Thí sinh phải ghi đúng, đầy đủ thông tin về “tên trường và mã trường”, trong đó lưu ý mã tuyển sinh tại trụ sở chính và tại Phân hiệu tại tỉnh Quảng Trị; “tên ngành và mã ngành” vào từng nguyện vọng đăng ký xét tuyển trên Hệ thống của Bộ;

- Thí sinh **chỉ được đăng ký tối đa 15 nguyện vọng**; các nguyện vọng của thí sinh được sắp xếp thứ tự từ 1 (một) đến hết nguyện vọng đăng ký (nguyện vọng 1 (một) là nguyện vọng ưu tiên cao nhất). Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được Trường công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng ưu tiên cao nhất;

- Thí sinh được điều chỉnh, bổ sung nguyện vọng xét tuyển **không bị giới hạn số lần** trong tổng số nguyện vọng được phép đăng ký;

- Thí sinh phải kê khai và thực hiện đúng, đủ, hết quy trình đăng ký xét tuyển theo hình thức trực tuyến và thực hiện việc lựa chọn căn cứ để xét tuyển trên Hệ thống của Bộ, bao gồm các thông tin: thứ tự ưu tiên của nguyện vọng (*nguyện vọng số 1 thể hiện nguyện vọng có thứ tự ưu tiên cao nhất*); tên trường (hoặc tên phân hiệu) và mã trường (hoặc mã phân hiệu); tên ngành/chương trình đào tạo và mã ngành/chương trình đào tạo; và căn cứ để xét tuyển đối với các nguyện vọng đã được thí sinh đăng ký phải phù hợp với các điều kiện dự tuyển được quy định tại Quy chế tuyển sinh của Trường;

- Thí sinh chưa rõ các nội dung khai báo cũng như nộp lệ phí xét tuyển thì liên hệ với các thầy/cô tại các điểm tiếp nhận hồ sơ hoặc liên hệ với Trường theo thông tin được nêu tại Mục 6 dưới đây, để được hướng dẫn;

- Sau khi đăng ký thành công, thí sinh phải nộp lệ phí xét tuyển theo số lượng nguyện vọng đã đăng ký xét tuyển bằng hình thức trực tuyến trên Hệ thống của Bộ, trong thời hạn quy định. Trường hợp thí sinh chưa nộp “lệ phí xét tuyển” thì Hệ thống của Bộ chưa chấp nhận việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển của thí sinh.

### **5.2. Thời gian đăng ký và nộp lệ phí xét tuyển**

a) Thời gian và cách thức đăng ký nguyện vọng xét tuyển:

- Thời gian: đến 17g00' **ngày 14/7/2026** (thứ Ba);
- Cách thức: bằng hình thức trực tuyến trên Hệ thống của Bộ, hoặc trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

b) Thời gian và cách thức nộp lệ phí xét tuyển theo số lượng nguyện vọng đã đăng ký:

- Thời gian: từ ngày 15/7/2026 đến 17g00' **ngày 21/7/2026** (thứ Ba);
- Cách thức: bằng hình thức trực tuyến trên Hệ thống của Bộ.

### 5.3. Nguyên tắc xét trúng tuyển

- Điểm trúng tuyển được xác định theo nguyện vọng đăng ký “từ cao xuống thấp cho đến hết số lượng tuyển sinh” được Trường công bố để số lượng tuyển được theo từng ngành đào tạo/chương trình đào tạo không thấp hơn “ngưỡng đầu vào” theo quy định tại Mục 3 nêu trên và phù hợp với số lượng tuyển sinh đã công bố đối với từng ngành đào tạo/chương trình đào tạo tại Mục 2 nêu trên;

- Điểm trúng tuyển được xét bình đẳng, chỉ dựa vào tiêu chí là điểm xét tuyển, không phụ thuộc vào thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký; không sử dụng tiêu chí phụ để chọn thí sinh trúng tuyển (trong trường hợp có nhiều thí sinh có cùng điểm xét tuyển ở cuối danh sách);

- Điểm xét trúng tuyển được Trường xác định theo ngành/chương trình đào tạo **và theo từng tổ hợp môn xét tuyển;**

- Điểm xét trúng tuyển khi công bố đã bao gồm điểm cộng (*gồm điểm xét thưởng, điểm khuyến khích*), điểm ưu tiên theo khu vực và điểm ưu tiên theo đối tượng chính sách theo quy định của Quy chế tuyển sinh của Bộ;

- Điểm xét trúng tuyển và xử lý nguyện vọng trúng tuyển của thí sinh được Trường thực hiện trên Hệ thống của Bộ.

**6. Thông tin khác:** khi cần hỗ trợ thêm các thông tin liên quan đến công tác tuyển sinh, xét tuyển, hoặc gặp khó khăn khi thực hiện việc đăng ký xét tuyển bằng hình thức trực tuyến,... thí sinh cần chủ động liên lạc với Trường để được hướng dẫn, hỗ trợ và giải quyết thông qua các kênh liên lạc sau:

a) Số tổng đài tư vấn tuyển sinh: **1900.555.514**;

b) Số điện thoại cố định của Trường: **(028) 3940.0989** và bấm số nội bộ để gặp các bộ phận có liên quan:

- Phòng Tư vấn tuyển sinh: số nội bộ **221** hoặc **220** hoặc **209**;

- Phòng Đào tạo Đại học: số nội bộ **112**;

- Phòng Chuyên đổi số: số nội bộ **141** (chỉ hỗ trợ về kỹ thuật đăng ký xét tuyển).

c) Số điện thoại di động: **0879.555.514** (zalo)/.

#### **Nơi nhận:**

- Hội đồng tuyển sinh (*để biết*);
- Các đơn vị thuộc Trường (*để thực hiện*);
- Đăng Website Trường (*để thông tin*);
- Lưu: VT, P.ĐTĐH.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Lê Trường Sơn**  
**(Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh)**